TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 686/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 600/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số A, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Dương t tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang ngày 29/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của cha

mẹ anh T tại thuộc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống chung hạnh phúc. Đến khoảng tháng 10/2019, anh T và chị D phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả do chị D không biết chăm lo cho chồng con, không lo làm ăn và chị D đã bỏ đi không sống cùng với anh T. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống, mọi chuyện trong gia đình chị D tự ý quyết định, không nghe lời khuyên ngăn của gia đình nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì hai bên gia đình không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị D. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Tường V, sinh ngày 15/5/2017; con chung sinh sống với anh T từ khi chị D bỏ đi cho đến nay. Khi ly hôn, anh Phan Văn T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Tường V, sinh ngày 15/5/2017; không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Phan Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Anh T và chị D kết hôn năm 2016, chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường phát sinh mâu thuẫn do chị D không quan tâm chồng con, không có trách nhiệm với gia đình, chị D tự ý quyết định mọi chuyện trong gia đình mà không có bàn bạc với anh T nên dẫn đến gây nợ nần. Đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2019 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị D; anh T và chị D cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về quan hệ hôn nhân, anh T yêu cầu được ly hôn với chị D; về con chung, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Tường V, sinh ngày 15/5/2017, hiện nay đang sống với anh T; anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T. Về quan hệ hôn nhân, anh Phan Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D. Về con chung, anh

Phan Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Tường V, sinh ngày 15/5/2017; chị Nguyễn Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con chung, chị Nguyễn Thị Thùy D có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 25/01/2024, chị Nguyễn Thị Thùy D có cư trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương, khi đi không có trình báo chính quyền địa phương nên không xác định được nơi cư trú hiện nay và thời gian trở về địa phương của chị Nguyễn Thị Thùy D. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Thùy D tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Phan Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thùy D, yêu cầu được tiếp tục chăm, sóc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Thùy D (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với chị Nguyễn Thị Thùy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Đồng thời, tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thùy D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Văn T cho rằng, anh T và chị D do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 29/12/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D không quan tâm chồng con, không có trách nhiệm với gia đình, chị D tự ý quyết định mọi chuyện trong gia đình mà không có bàn bạc với anh T nên dẫn đến gây nợ nần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm

vợ chồng cho anh T và chị D. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị D.

Chị Nguyễn Thị Thùy D đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

Xét thấy, anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Nguyễn Thị Thùy D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh T theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị D theo quy định của pháp luật nhưng chị D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị Nguyễn Thị Thùy D không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D nên lời trình bày của anh T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh T và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh T yêu cầu ly hôn chị D phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Anh Phan Văn T xác định anh T và chị D có 01 con chung tên Phan Tường V, sinh ngày 15/5/2017, hiện nay đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Tường V, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi anh T và chị D ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của anh T, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Phan Tường V sinh sống với anh T cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với anh T, cháu V được đi học và phát triển bình thường. Để ổn định cuộc sống cho cháu V, giúp cháu V phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi anh T và chị D ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phan Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi anh T và chị D ly hôn nên chị Nguyễn Thị Thùy D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh Phan Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra

để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 274, ngày 29/12/2016 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị Thùy D không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Anh Phan Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Tường V, sinh ngày 15/5/2017. Hiện nay đang sống với anh Phan Văn T.

Chị Nguyễn Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phan Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Thùy D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0014147 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang